

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2018/DS-ST**

Ngày: 30-5-2018

V/v “Tranh chấp về thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Đúng

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 14, ngày 22, ngày 28 và ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 574/2012/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2012, Về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa:

1/ Nguyên đơn:

1.1/ Bà **Huỳnh Hoa L**, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C14/12 Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2/ Bà **Huỳnh Kim P**, sinh năm 1948 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 163 N, Khu phố 5, phường T, quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

1.3/ Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: A4/110 ấp 1, xã N, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

1.4/ Bà **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: C8/1 khu phố 3, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền cho bà L, bà P, bà C, bà T có bà **Nguyễn Thị Kim H**. (Có mặt)

Địa chỉ: A8/214A ấp 1, xã N, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **Huỳnh Thị C** có ông **Nguyễn Văn T** là luật sư của Văn phòng luật sư Z thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn Đ**, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: C14/19 Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Anh V**, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Tấn Đ có ông **Thân Trung Đ** là luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt)

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ NLQ1, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: C14/19 Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 17/8 ấp 2, xã Q, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/ NLQ2 (chết năm 2010).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ2 gồm:

3.2.1/ Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1954 (Có đơn xin vắng mặt)

3.2.2/ Ông **Huỳnh Phước L**, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

3.2.3/ Ông **Huỳnh Phước H**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt)

3.2.4/ Ông **Huỳnh Phước T**, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: C13/16 Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3/ NLQ3, sinh năm 1961

3.4/ NLQ4, sinh năm 1981

3.5/ NLQ5, sinh năm 1985

3.6/ NLQ6, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: C14/19 Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện ủy quyền của NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 có ông **Nguyễn Anh V**, sinh năm 1974 (Có mặt)*

Địa chỉ: phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

3.7/ NLQ7, chết năm 1971 (không có Giấy chứng tử),

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của NLQ7 có:

3.7.1/ Ông **Huỳnh Tấn Q**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: A8/43 tổ 8, ấp 1, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.7.2/ Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ C13/18, đường N, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

3.7.3/ Ông **Huỳnh Tấn P**, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ C13/18A, đường N, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải của Nguyên đơn là bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T có bà Nguyễn Thị Kim H là đại diện ủy quyền trình bày:

Cha là ông Huỳnh Văn B chết năm 2002, mẹ là bà Nguyễn Thị T2 chết năm 1992 có 08 người con chung là: bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T, ông Huỳnh Tấn Đ, NLQ7 chết năm 1971, NLQ2 chết năm 2010 và bà NLQ1.

NLQ2 chết năm 2010, có vợ con là bà Nguyễn Thị T1, ông Huỳnh Phước L, ông Huỳnh Phước H và ông Huỳnh Phước T.

Ông NLQ7 chết năm 1971, có vợ con là ông Huỳnh Tấn Q, ông Huỳnh Tấn T và ông Huỳnh Tấn P.

Ông B và bà T2 tạo lập được khối tài sản chung là 5000m² đất trồng lúa tọa lạc tại xã L và 3.263m² thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị T2 đã chết không để lại di chúc.

Nay các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 3.263m² thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh hiện do ông Huỳnh Tấn Đ đại diện hộ gia đình đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 04/4/2001. Không yêu cầu chia thừa kế các tài sản khác.

Ngày 13/4/2007 bà Huỳnh Hoa L và bà Huỳnh Ngọc T có Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch tài sản đang tranh chấp là diện tích 3.263m² thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 04/4/2001 do Ủy Ban nhân dân huyện B cấp cho ông Huỳnh Tấn Đ.

Ngày 22/5/2018 các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T có Đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn B chết để lại diện tích đất là 3.263m² thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 04/4/2001 do Ủy Ban nhân dân huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn B, ngày 15/4/2003 cập nhật điều chỉnh biến động tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ như sau: Căn cứ Giấy chứng tử số 20, quyển số 01/2002 ngày 10/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã T. Nay ông Huỳnh Văn B đã chết ông Huỳnh Tấn Đ đại diện gia đình đứng tên. Trong đó, phần thừa kế của ông Huỳnh Văn B là 652,6m² sẽ được chia cho 05 người, gồm có bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T và ông Huỳnh Tấn Đ. Mỗi người được hưởng một phần di sản bằng nhau là 130,52m² và yêu cầu được theo giá trị tài sản tại Biên bản thẩm định giá. Ngoài ra không có yêu gì thêm.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn Đ có ông Nguyễn Anh V làm đại diện ủy quyền trình bày:

Ông Đ xác nhận cha là ông Huỳnh Văn B chết năm 2002, mẹ là bà Nguyễn Thị T2 chết năm 1992 có 08 người con cùng là: bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T, ông Huỳnh Tấn Đ, NLQ7 chết năm 1971, ông NLQ2 chết năm 2010 và NLQ1.

Trong quá trình chung sống, cha mẹ ông và các thành viên trong hộ tạo lập khối tài sản chung là 3.263m² thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh do ông Đ đại diện hộ gia đình đứng tên và 3.000m² đất tại ấp 7 xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Khi còn sống cha mẹ ông Đ đã cho ông Đ phần đất thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 để ông Đ toàn quyền sử dụng. Riêng phần đất 3.000m² tại ấp 7 xã L, ông Đ đã nhường lại cho các chị em của ông gồm bà L, bà P, bà C, bà T và NLQ1 để các chị em cùng bán và cũng đã cùng hưởng phần đất này.

Nay các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T yêu cầu được chia thừa kế phần đất này ông Đ không đồng ý. Vì phần đất này được cấp cho hộ gia đình. Tại thời điểm cấp giấy năm 2001 thì trong hộ khẩu nhà ông Đ chỉ có cha ông là ông B, ông Đ, NLQ3 và ba người con là NLQ4, NLQ5, NLQ6, không có tên các chị em của ông. Phần đất trên cha mẹ cho riêng ông Đ đã quản lý và canh tác ổn định từ năm 2002 đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Các ông, bà NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 có ông Nguyễn Anh V làm đại diện trình bày: các ông bà NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 có cùng lời trình bày với ông Huỳnh Tấn Đ.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của NLQ2 gồm có các ông bà Nguyễn Thị T, Huỳnh Phước T, Huỳnh Phước H, Huỳnh Phước L cùng có lời trình bày: Các ông bà là vợ và con của ông NLQ2 và các ông bà không có yêu cầu được chia đất trong vụ án này và cũng không có ý kiến gì. Các ông bà cùng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị C phát biểu ý kiến, tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện các đồng nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn ông Huỳnh Tấn Đ phát biểu ý kiến, tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án về phần thủ tục khởi kiện vụ án dân sự là đúng thời hạn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự và Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T khởi kiện tranh chấp về thừa kế đối với ông Huỳnh Tấn Đ. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Phần đất tranh chấp tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về sự vắng mặt của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NLQ7 chết năm 1971 gồm có các ông Huỳnh Tấn Q, Huỳnh Tấn T và ông Huỳnh Tấn P, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng các ông Huỳnh Tấn Q, Huỳnh Tấn T và ông Huỳnh Tấn P vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các ông Huỳnh Tấn Q, Huỳnh Tấn T và ông Huỳnh Tấn P tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập theo hợp đồng số 9317/ĐĐBĐ-VPTP ngày 02/4/2013 thì phần đất tranh chấp có diện tích 3393,6m² các thửa số 44, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, từ

bản đồ số 36 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo tài liệu năm 2006) nhằm các thửa 297, 298, 348, 349, 350, 438 và rạch, tờ bản đồ số 3 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo tài liệu 02/CT-UB)

Tại phiên Tòa, bà Nguyễn Thị Kim H là đại diện ủy quyền của các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị Cvà bà Huỳnh Ngọc T giữ nguyên yêu cầu theo Đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 22/5/2018. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên Tòa, ông Nguyễn Anh V là đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Tấn Đ không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa, ông Huỳnh Tấn Đ xác nhận ông Huỳnh Văn B đã chết, ông đại diện cho hộ đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 04/4/2001 có diện tích 3.263m² thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh và là di sản của ông Huỳnh Văn B chết để lại.

Tại phiên Tòa, bà NLQ1 trình bày: Bà là con của ông Huỳnh Văn B, bà đã bán phần đất 3000m² ở xã L và đã chia cho các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T mỗi người 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Nay bà xác định không tranh chấp và không yêu cầu gì đối với việc tranh chấp chia thừa kế trong vụ án này giữa các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Ngọc T và ông Huỳnh Tấn Đ.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 04/4/2001 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn B, ngày 15/4/2003 cập nhật điều chỉnh biến động tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ như sau: Căn cứ Giấy chứng tử số 20, quyền số 01/2002 ngày 10/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã T. Nay ông Huỳnh Văn B đã chết ông Huỳnh Tấn Đ đại diện gia đình đứng tên thay.

Tại Công văn số 1339/UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B phúc đáp công văn số 01/TAHBC ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh như sau:

“... Vào năm 1994, ông Huỳnh Văn B có lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 297, 350, 349, 348 tờ bản đồ số 03 tài liệu 02/CT-UB, tổng diện tích 3.263m² thuộc Bộ địa chính xã T (nay là thị trấn T). Ngày 16 tháng 6 năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ cho hộ ông Huỳnh Văn B gồm các thửa đất 297, 350, 349, 348 tờ bản đồ số 03 tài liệu 02/CT-UB, tổng diện tích 3.263m² thuộc Bộ địa chính xã T (nay là thị trấn T) theo Quyết định số 180/QĐ-UB ngày 16 tháng 6 năm 1995 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Đến ngày 15 tháng 3 năm 2000 ông Huỳnh Văn B làm đơn xin đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995. Ngày 04 tháng 4 năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện B cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995 theo mẫu trung ương.

Năm 2002, ông Huỳnh Văn B chết theo Giấy chứng tử số 20, quyển số 01/2002 ngày 10 tháng 6 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã T. Năm 2003, ông Huỳnh Tấn Đ lập thủ tục đăng ký biến động đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995 (cấp đổi ngày 04 tháng 4 năm 2001) do ông Huỳnh Văn B Chết. Ngày 15/4/2003 cập nhật điều chỉnh biến động tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ như sau: Căn cứ Giấy chứng tử số 20, quyển số 01/2002 ngày 10/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã T. Nay ông Huỳnh Văn B đã chết ông Huỳnh Tấn Đ đại diện gia đình đứng tên thay (theo Tờ trình số 13/TT-UB ngày 19/02/2003 của UBND xã T)...”. Hội đồng xét xử xét thấy, phần cập nhật biến động tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 04 tháng 4 năm 2001 đã căn cứ Giấy chứng tử số 20, quyển số 01/2002 ngày 10/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã T. Nay ông Huỳnh Văn B đã chết ông Huỳnh Tấn Đ đại diện gia đình đứng tên thay (theo Tờ trình số 13/TT-UB ngày 19/02/2003 của UBND xã T) là hoàn toàn phù hợp với Công văn phúc đáp số 1339/UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B và phù hợp lời trình bày của ông Đ tại phiên Tòa. Do đó, có sở xác định di sản của ông Huỳnh Văn B chết để lại di sản là các thửa đất 297, 350, 349, 348 tờ bản đồ số 03 tài liệu 02/CT-UB, tổng diện tích 3.263m² thuộc Bộ địa chính xã T (nay là thị trấn T), huyện B, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 637 Bộ luật dân sự 1995.

Ông Huỳnh Văn B (chết năm 2002), bà Nguyễn Thị T2 (chết năm 1992) có 08 người con chung là: bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T, ông Huỳnh Tấn Đ, bà NLQ1, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của NLQ7 (chết năm 1971) gồm có các ông Huỳnh Tấn Q, Huỳnh Tấn T và ông Huỳnh Tấn P, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NLQ2 (chết năm 2010) gồm có các ông bà Nguyễn Thị T1, Huỳnh Phước T, Huỳnh Phước H, Huỳnh Phước L, như vậy các ông bà có tên nêu trên là những người thừa kế theo pháp luật và thừa kế thế vị được quy định tại Điều 638, Điều 678, Điều 679 và Điều 680 Bộ luật dân sự 1995.

Về thời hiệu thừa kế các đương sự tranh chấp về thừa kế tài sản thì thời hiệu thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NLQ2 gồm có các ông bà Nguyễn Thị T1, Huỳnh Phước T, Huỳnh Phước H, Huỳnh Phước L cùng có lời trình bày là không yêu cầu chia đất trong vụ án này và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, các ông bà NLQ1, Nguyễn Thị T1, Huỳnh Phước T, Huỳnh Phước H, Huỳnh Phước L đã từ chối nhận di sản theo khoản 3 Điều 645 Bộ luật dân sự 1995.

Xét thấy những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NLQ7 (chết năm 1971) gồm có các ông Huỳnh Tấn Q, Huỳnh Tấn T và ông Huỳnh Tấn P đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng các ông Huỳnh Tấn Q, Huỳnh Tấn T và ông Huỳnh Tấn P không có văn bản trả lời và không có ý kiến gì về việc tranh chấp thừa kế của các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T về việc chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh Văn B chết để lại. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử và phân chia di sản theo pháp luật được quy định tại Điều 677 Bộ luật dân sự 1995.

Xét yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T, về việc chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh Văn B chết để lại là các thửa đất 297, 350, 349, 348 tờ bản đồ số 03 tài liệu 02/CT-UB, tổng diện tích 3.263m² thuộc Bộ địa chính xã T (nay là thị trấn T), huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

$3263\text{m}^2 / 5 \text{ thành viên} = 652,6\text{m}^2$ là phần di sản của ông B, cho nên phần đất $652,6\text{m}^2$ được chia cho 5 thành viên thừa kế (gồm các ông bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T và Huỳnh Tấn Đ) = $130,52\text{m}^2$ và mỗi người được hưởng theo giá trị tài sản tại Biên Bản thẩm định giá ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Công ty TNHH Q. Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995 (cấp đổi ngày 04 tháng 4 năm 2001) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Huỳnh Văn B. Theo Sổ hộ khẩu năm 1994 và Biên bản xác minh ngày 13/3/2012 của Công an Thị trấn T, huyện T thể hiện hộ gia đình ông Huỳnh Văn B gồm có 08 (Tám) thành viên là ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị T2 (chết năm 1994), bà NLQ1, ông Huỳnh Tấn Đ, bà NLQ3, bà NLQ4, NLQ5 và ông NLQ6. Năm 1994 bà Nguyễn Thị T2 chết trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995 (cấp đổi ngày 04 tháng 4 năm 2001) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Huỳnh Văn B nên hộ gia đình ông Bá còn lại 07 (Bảy) thành viên là ông Huỳnh Văn B, bà NLQ1, ông Huỳnh Tấn Đ, bà NLQ3, bà NLQ4, NLQ5 và ông NLQ6.

Tại Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập theo hợp đồng số 9317/ĐDBĐ-VPTP ngày 02/4/2013 thì phần đất tranh chấp có diện tích $3393,6\text{m}^2$ các thửa số 44, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, tờ bản đồ số 36 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo tài liệu năm 2006) nhằm các thửa 297, 298, 348, 349, 350, 438 và rạch, tờ bản đồ số 3 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo tài liệu 02/CT-UB).

Các bà L, bà P, bà C và bà T cùng có yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với 04 (Bốn) thửa đất số 297 = 320m^2 , 350 = 2.368m^2 , 349 = 54m^2 , 348 = 466m^2 (tổng diện tích 3.208m^2) tờ bản đồ số 3 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, 3.208m^2 được chia cho 07 (Bảy) thành viên trong hộ gia đình ông Bá gồm có ông Huỳnh Văn B, bà NLQ1, ông Huỳnh Tấn Đ, bà NLQ3, bà NLQ4, NLQ5 và ông NLQ6. Mỗi thành viên được chia là $458,28\text{m}^2$.

Phần thừa kế quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn B là $458,28\text{m}^2$ sẽ được chia cho các thừa kế hàng thứ nhất còn đang sinh sống gồm có bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T và ông Huỳnh Tấn Đ. Riêng bà NLQ1 và

những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông NLQ7 (chết năm 1971) và ông NLQ2 (chết năm 2010) đã từ chối nhận di sản. Do đó, 458,28m² được chia cho 05 (Năm) thành viên là bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T, ông Huỳnh Tấn Đ mỗi thành viên thừa kế được hưởng 91,65m².

Theo Nghị định số 60/2017/UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định diện tích tối thiểu được tách thửa thì diện tích 91,65m² không được phép tách thửa nên các thành viên thừa kế sẽ được hưởng giá trị tài sản và quy đổi tính thành tiền đồng Việt Nam.

Xét yêu cầu được thẩm định giá của bà Huỳnh Thị C và tại Chứng thư thẩm định số: 01TA-HBC/03/15/CTHL ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Công TNHH Q có kết quả thẩm định giá trị quyền sử dụng đất là 1.368.000 (Một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn) đồng/m².

Như vậy, các ông bà Huỳnh Hoa L, Huỳnh Kim P, Huỳnh Thị C, Huỳnh Ngọc T và Huỳnh Tấn Đ, mỗi người được hưởng diện tích đất 91,65m² x 1.368.000 đồng/m² = 125.377.200 (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm) đồng.

Toàn bộ diện tích đất theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập theo hợp đồng số 9317/ĐĐBĐ-VPTP ngày 02/4/2013 thì phần đất tranh chấp có diện tích 3393,6m² các thửa số 44, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, tờ bản đồ số 36 Bộ địa chính thị trấn T, huyện T, thành phố Hồ Chí Minh (Theo tài liệu năm 2006) nằm các thửa 297, 298, 348, 349, 350, 438 và rạch, tờ bản đồ số 3 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo tài liệu 02/CT-UB) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995 (cấp đổi ngày 04 tháng 4 năm 2001) do ông Huỳnh Văn B Chết. Ngày 15/4/2003 cập nhật điều chỉnh biến động tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ như sau: Căn cứ Giấy chứng tử số 20, quyển số 01/2002 ngày 10/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã T. Hiện nay do hộ gia đình ông Huỳnh Tấn Đ quản lý, sử dụng và ông Đ đại diện gia đình đứng tên nên cần phải buộc hộ gia đình ông Đ có trách nhiệm trả tiền cho các bà Huỳnh Hoa L, Huỳnh Kim P, Huỳnh Thị C, Huỳnh Ngọc T. Mỗi người là 125.377.200 (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm) đồng, trả

một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hộ gia đình ông Đ được toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSĐĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995 (cấp đổi ngày 04 tháng 4 năm 2001).

Xét thấy, ngày 13/4/2017 bà Huỳnh Hoa L và bà Huỳnh Ngọc T có Đơn yêu cầu cấm chuyển dịch tài sản đang tranh chấp là diện tích 3.092m² thuộc các thửa 297, 348, 349, 350 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSĐĐ ngày 04/4/2001 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Huỳnh Tấn Đ. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2017. Quyết định có hiệu lực và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T là có cơ sở để chấp nhận một phần, theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 1995.

Về án phí: Các ông bà Huỳnh Hoa L, Huỳnh Kim P, Huỳnh Thị C, Huỳnh Ngọc T và Huỳnh Tấn Đ cùng phải chịu án phí đối với mỗi phần thừa kế được hưởng là: 125.377.200 (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm) đồng x 5 = 6.268.860 (sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi đồng) đồng.

Về chi phí đo vẽ và thẩm định giá :

1/ Số tiền 6.124.690 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/10/2010

2/ Số tiền 5.254.260 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 20/3/2013

3/ Số tiền 2.404.930 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 08/4/2013

4/ Số tiền 13.915.000 đồng theo Phiếu thu của Công ty TNHH Q. Tổng cộng là 27.698.880 đồng được chia cho 5 thành viên thừa kế là các ông bà Huỳnh Hoa L, Huỳnh Kim P, Huỳnh Thị C, Huỳnh Ngọc T và Huỳnh Tấn Đ. Mỗi người phải chịu một phần và hoàn lại cho bà Huỳnh Hoa L số tiền 5.539.776 (Năm triệu năm trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 637, 638, 677, 678, 679, 680 và 688 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các bà Huỳnh Hoa L, bà Huỳnh Kim P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Ngọc T. Về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

1/ Hộ gia đình ông Huỳnh Tấn Đ có trách nhiệm trả cho các bà Huỳnh Hoa L số tiền 125.377.200 (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm) đồng, trả cho bà Huỳnh Kim P số tiền 125.377.200 (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm) đồng, trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền 125.377.200 (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm) đồng, và trả cho bà Huỳnh Ngọc T số tiền 125.377.200 (Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi các bà Huỳnh Hoa L, Huỳnh Kim P, Huỳnh Thị C, Huỳnh Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án nếu hộ gia đình Huỳnh Tấn Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì hàng tháng hộ gia đình ông Đ còn phải trả thêm tiền lãi được tính theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Hộ gia đình ông Huỳnh Tấn Đ được toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ diện tích đất theo quy định của pháp luật về đất đai, theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập theo hợp đồng số 9317/ĐĐBĐ-VPTP ngày 02/4/2013 có diện tích 3393,6m² các thửa số 44, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, tờ bản đồ số 36 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí

Minh (Theo tài liệu năm 2006) nhằm các thửa 297, 298, 348, 349, 350, 438 và rạch, tờ bản đồ số 3 Bộ địa chính thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (Theo tài liệu 02/CT-UB) và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 600/QSDĐ ngày 16 tháng 6 năm 1995 (cấp đổi ngày 04 tháng 4 năm 2001).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 11/2017/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3/ Về án phí:

3.1. Bà Huỳnh Hoa L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.268.860 (sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi đồng) đồng nhưng được trừ vào số tiền án phí đã nộp 4.176.250 đồng theo biên lai thu tiền số 007832 ngày 14/9/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Huỳnh Hoa L còn phải nộp thêm 2.092.610 (Hai triệu không trăm trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm mười) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Huỳnh Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.268.860 (sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi đồng) đồng nhưng được trừ vào số tiền án phí đã nộp 4.176.250 đồng theo biên lai thu tiền số 007833 ngày 14/9/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Huỳnh Kim P còn phải nộp thêm 2.092.610 (Hai triệu không trăm trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm mười) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Bà Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.268.860 (sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi đồng) đồng nhưng được trừ vào số tiền án phí đã nộp 4.176.250 đồng theo biên lai thu tiền số 007830 ngày 14/9/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Huỳnh Ngọc T còn phải nộp thêm 2.092.610 (Hai triệu không trăm trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm mười) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.4. Bà Huỳnh Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.268.860 (sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi đồng) đồng nhưng được trừ vào số tiền án

phí đã nộp 4.176.250 đồng theo biên lai thu tiền số 007831 ngày 14/9/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Huỳnh Thị C còn phải nộp thêm 2.092.610 (Hai triệu không trăm trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm mười) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.5. Ông Huỳnh Tấn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.268.860 (sáu triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi đồng) đồng.

+ Về chi phí đo vẽ và thẩm định giá:

Các ông bà Huỳnh Kim P, Huỳnh Thị C, Huỳnh Ngọc T và ông Huỳnh Tấn Đ. Mỗi người phải chịu một phần và trả lại cho bà Huỳnh Hoa L số tiền 5.539.776 (Năm triệu năm trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Thi hành án dân sự H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tô Thanh Liêm